

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN



BÀI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Môn học: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã môn học: BAA00103

Giảng viên hướng dẫn: Cô Hồ Thị Ngọc Sao

Lớp: 20S4_1

Sinh viên thực hiện: Nguyễn Văn Lộc

Mã số sinh viên: 20120131

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÁNG 12 NĂM 2021

Câu 1: Trình bày những nội dung cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, phân tích những thuận lợi, khó khăn và đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sinh viên cần làm gì để góp phần đẩy nhanh tiến trình của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay?

Trả lời.

Nội dung cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa sang xã hội xã hội chủ nghĩa. Xã hội của thời kỳ quá độ là xã hội có sự đan xen của nhiều tàn dư về mọi phương diện kinh tế, đạo đức, tinh thần của chủ nghĩa tư bản và những yếu tố mới mang tính chất xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa xã hội mới phát sinh, chưa phải là chủ nghĩa xã hội phát triển trên cơ sở của chính nó.

Về nội dung, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải tạo cách mạng sâu sắc, triệt để xã hội tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, xây dựng từng bước cơ sở vật chất – kỹ thuật và đời sống tinh thần của chủ nghĩa xã hội. Đó là thời kỳ lâu dài, gian khổ, "thời kỳ những cơn đau đẻ kéo dài"², bắt đầu từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền đến khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Có thể khái quát những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như sau:

- Trên lĩnh vực kinh tế

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện kinh tế, tất yếu tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần đối lập. Đề cập tới đặc trưng này, V. I. Lenin cho rằng: "Vậy thì danh từ quá độ có nghĩa là gì? Vận dụng vào kinh tế, có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội không? Bất cứ ai cũng thừa nhận là có. Song không phải mọi người thừa nhận điểm yếu ấy đều suy nghĩ xem các thành phần của kết cấu kinh tế – xã hội khác nhau hiện có ở Nga, chính là như thế nào? Mà tất cả then chốt của vấn đề lại chính là ở đó"³. Tương ứng với nước Nga, V. I. Lenin cho rằng thời kỳ quá độ tồn tại 5 thành phần kinh tế: kinh tế gia trưởng; kinh tế hàng hóa nhỏ; kinh tế tư bản; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế xã hội chủ nghĩa.

- Trên lĩnh vực chính trị

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội về phương diện chính trị, là việc thiết lập, tăng cường chuyên chính vô sản mà thực chất của nó là việc giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội không giai cấp. Đây là sự thống trị về chính trị của giai cấp công nhân với chức năng thực hiện dân chủ đối với nhân dân, tổ chức xây dựng và bảo vệ chế độ mới, chuyên chính với những phần tử thù địch, chống lại nhân dân; là tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản đã chiến thắng nhưng chưa phải đã toàn thắng với giai cấp tư sản đã thất bại nhưng chưa phải thất bại hoàn toàn. Cuộc đấu tranh diễn ra trong điều kiện mới – giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp cầm quyền, với nội dung mới – xây dựng toàn diện xã hội mới, trọng tâm là xây dựng nhà nước có tính kinh tế, và hình thức mới – cơ bản là "hòa bình tổ chức xây dựng"¹.

- Trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau, chủ yếu là tư tưởng vô sản và tư tưởng tư sản. Giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong của mình là Đảng Cộng sản từng bước xây dựng nền văn hóa vô sản, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu văn hóa – tinh thần ngày càng tăng của nhân dân.

- Trên lĩnh vực xã hội

Do kết cấu của nền kinh tế nhiều thành phần quy định nên trong thời kỳ quá độ còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Trong xã hội của thời kỳ quá độ còn tồn tại sự khác biệt giữa nông thôn, thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Bởi vậy, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện xã hội là thời kỳ đấu tranh giai cấp chống áp bức, bất công, xóa bỏ tệ nạn xã hội và những tàn dư của xã hội cũ để lại, thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo.

Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện vừa thuận lợi, vừa khó khăn đan xen, có những đặc trưng cơ bản:

- Xuất phát từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua chiến tranh ác liệt, kéo dài nhiều thập kỷ, hậu quả để lại còn nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.
- Cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở các mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt.
- Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cho dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, song theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự lựa chọn duy nhất đúng, khoa học, phản ánh đúng quy luật phát triển khách quan của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay. Cương lĩnh năm 1930 của Đảng chỉ rõ: "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"⁵. Đây là sự lựa chọn dứt khoát và đúng đắn của Đảng, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của dân tộc, nhân dân, phản ánh xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với quan điểm khoa học, cách mạng và sáng tạo của chủ nghĩa Mác – Lênin. **Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam xây dựng có các đặc trưng về mục tiêu, bản chất, nội dung là:**⁶

- *Một là*, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- *Hai là*, do nhân dân làm chủ.
- *Ba là*, có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.
- *Bốn là*, có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- *Năm là*, con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.
- *Sáu là*, các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.
- *Bảy là*, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- *Tám là*, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Trách nhiệm của sinh viên để góp phần đẩy nhanh tiến trình của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay:

Không ngừng tích cực học tập, rèn luyện, trang bị những kiến thức cần thiết, cả về chuyên môn lẫn xã hội, có đạo đức, lối sống văn hóa, có ý chí vươn lên trong học tập, nghiên cứu khoa học để mai này có thể góp phần đưa đất nước tiến nhanh trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên", như lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sống và làm việc theo pháp luật, theo bản sắc dân tộc, thấm nhuần các truyền thống quý báu của dân tộc, nắm bắt những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, rèn luyện nhân sinh quan, thế giới quan và đạo đức của người cộng sản.

Trang bị những kiến thức đầy đủ, đúng đắn về lý luận chính trị, có bản lĩnh chính trị vững vàng, không bị các thế lực thù địch níu kéo, dụ dỗ, có nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Câu 2: Phân tích bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo. Sinh viên cần làm gì để không bị lôi cuốn vào các hình thức mê tín dị đoan?

Trả lời.

Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo

Bản chất của tôn giáo

Chủ nghĩa Mác – Lênin cho rằng tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên trở thành siêu tự nhiên, thần bí, ... Ăngghen cho rằng "... tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo – vào trong đầu óc con người – của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hằng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế"⁴.

Ở một cách tiếp cận khác, tôn giáo còn được hiểu là một thực thể xã hội – các tôn giáo cụ thể (ví dụ: Công giáo, Tin lành, Phật giáo, ...), với các tiêu chí cơ bản sau: có đáng siêu nhiên, đáng tối cao, thần linh để tôn thờ; có hệ thống giáo thuyết (giáo lý, giáo

luật, lễ nghi) phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, đạo đức, lễ nghi của tôn giáo; có hệ thống cơ sở thờ tự; có tổ chức nhân sự, quản lý điều hành việc đạo (người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp); có hệ thống tín đồ đông đảo, những người tự nguyện tin theo một tôn giáo nào đó, và được tôn giáo đó thừa nhận.

Chỉ rõ bản chất tôn giáo, chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định rằng: *Tôn giáo là một hiện tượng xã hội – văn hóa do con người sáng tạo ra*. Con người sáng tạo ra tôn giáo vì mục đích, lợi ích của họ, phản ánh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của họ. Nhưng, sáng tạo ra tôn giáo, con người lại bị lệ thuộc vào tôn giáo, tuyệt đối hóa và phục tùng tôn giáo vô điều kiện. Chủ nghĩa Mác – Lênin cũng cho rằng, sản xuất vật chất và các quan hệ kinh tế xét đến cùng là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các hình thái ý thức xã hội, trong đó có tôn giáo. Do đó, mọi quan niệm về tôn giáo, các tổ chức, các thiết chế tôn giáo đều được sinh ra từ những hoạt động sản xuất, từ những điều kiện sống nhất định trong xã hội và thay đổi theo những thay đổi của cơ sở kinh tế. *Về phương diện thế giới quan*, các tôn giáo mang thế giới quan duy tâm, có sự khác biệt với thế giới quan duy vật biện chứng, khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin. Mặc dù có sự khác biệt về thế giới quan, nhưng những người cộng sản với lập trường mác xít không bao giờ có thái độ xem thường hoặc trấn áp những nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; ngược lại, họ luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của nhân dân. Trong những điều kiện cụ thể của xã hội, những người cộng sản và những người có tín ngưỡng tôn giáo có thể cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn ở thế giới hiện thực. Xã hội ấy chính là xã hội mà quần chúng tín đồ cũng từng mơ ước và phản ánh nó qua một số tôn giáo.

Tôn giáo và tín ngưỡng không đồng nhất, nhưng có giao thoa nhất định.

Nguồn gốc của tôn giáo

Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế – xã hội

Trong xã hội công xã nguyên thủy, do lực lượng sản xuất chưa phát triển, trước thiên nhiên hùng vĩ tác động và chi phối khiến cho con người cảm thấy yếu đuối và bất lực, không giải thích được, nên con người đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực thần bí.

Khi xã hội xuất hiện các giai cấp đối kháng, có áp bức, bóc lột, bất công, do không giải thích được nguồn gốc của sự phân hóa giai cấp và áp bức bóc lột, bất công, tội ác, ... cộng với lo sợ trước sự thống trị của các lực lượng xã hội, con người trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế.

Nguồn gốc nhận thức

Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa "biết" và "chưa biết" vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ, thì đây vẫn là điều kiện, là mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển. Thực chất nguồn gốc nhận thức của tôn giáo chính là sự tuyệt đối hóa, sự cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người, biến cái nội dung khách quan thành cái siêu nhiên, thần thánh.

Nguồn gốc tâm lý

Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội hay trong những lúc ốm đau, bệnh tật; ngay cả những may, rủi bất ngờ xảy ra, hoặc tâm lý muốn được bình yên khi làm việc lớn (ví dụ: ma chay, cưới xin, làm nhà, khởi đầu sự nghiệp kinh doanh...), con người

cũng dễ tìm đến với tôn giáo. Thậm chí cả những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo (ví dụ: thờ các anh hùng dân tộc, thờ các thành hoàng làng, ...).

Tính chất của tôn giáo

Tính lịch sử của tôn giáo

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử, nghĩa là nó có sự hình thành, tồn tại và phát triển trong những giai đoạn lịch sử nhất định, nó có khả năng biến đổi để thích nghi với nhiều chế độ chính trị – xã hội. Khi các điều kiện kinh tế – xã hội, lịch sử thay đổi, tôn giáo cũng có sự thay đổi theo. Trong quá trình vận động của các tôn giáo, chính các điều kiện kinh tế – xã hội, lịch sử cụ thể đã làm cho các tôn giáo bị phân liệt, chia tách thành nhiều tôn giáo, hệ phái khác nhau.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, đến một giai đoạn lịch sử nào đó, khi khoa học và giáo dục giúp cho đại đa số quần chúng nhân dân nhận thức được bản chất các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo sẽ dần dần mất đi vị trí của nó trong đời sống xã hội và cả trong nhận thức, niềm tin của mỗi người.

Tính quần chúng của tôn giáo

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội phổ biến ở tất cả các dân tộc, quốc gia, châu lục. Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ đông đảo (gần 3/4 dân số thế giới); mà còn thể hiện ở chỗ, các tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hóa, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân lao động. Dù tôn giáo hướng con người vào niềm tin hạnh phúc hư ảo của thế giới bên kia, song nó luôn luôn phản ánh khát vọng của những người lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Mặt khác, nhiều tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện, vì vậy, được nhiều người ở các tầng lớp khác nhau trong xã hội, đặc biệt là quần chúng lao động, tin theo.

Tính chính trị của tôn giáo

Khi xã hội chưa có giai cấp, tôn giáo chỉ phản ánh nhận thức hồn nhiên, ngây thơ của con người về bản thân và thế giới xung quanh mình, tôn giáo chưa mang tính chính trị. Tính chất chính trị của tôn giáo chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt, sự đối kháng về lợi ích. Trước hết, do tôn giáo là sản phẩm của những điều kiện kinh tế – xã hội, phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, nên tôn giáo mang tính chính trị. Mặt khác, khi các giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình, chống lại các giai cấp lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính chính trị tiêu cực, phản tiến bộ.

Vì vậy, cần nhận rõ rằng, đa số quần chúng tín đồ đến với tôn giáo nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần; song, trên thực tế, tôn giáo đã và đang bị các thế lực chính trị – xã hội lợi dụng thực hiện mục đích ngoài tôn giáo của họ.

Trách nhiệm của sinh viên để không bị lôi cuốn vào các hình thức mê tín dị đoan

Tích cực ra sức học tập, rèn luyện để có trình độ chuyên môn cao, có lập trường chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống văn hóa, có ý chí vươn lên trong học tập, nghiên cứu khoa học.

Sống và làm việc theo pháp luật, theo bản sắc dân tộc, thấm nhuần các truyền thống quý báu của dân tộc, nắm bắt những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, đặc biệt là trong vấn đề tôn giáo, rèn luyện nhân sinh quan, thế giới quan và đạo đức của người cộng sản.

Tự chăm lo cho đời sống tinh thần của mình, không để các hình thức mê tín dị đoan

níu kéo, dụ dỗ, tránh sa đà vào những hình thức "tà đạo".

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị)*. Hà Nội, 2019.
- [2] V. I. Lenin. *Toàn tập*. Vol. 33. Moscow: NXB Tiến bộ, 1978.
- [3] V. I. Lenin. *Toàn tập*. Vol. 36. Moscow: NXB Tiến bộ, 1978.
- [4] K. Marx, F. Engels. *Toàn tập*. Vol. 20. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2000.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 1998.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011.